TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và bà Bạc Thị Hồng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-HN&GĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị H; sinh năm: 1996; địa chỉ: Bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn Đ; sinh năm: 1990; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23 tháng 3 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Cà Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị H và anh Tòng Văn Đ đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/8/2016, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Quá trình chung sống kể từ khi kết hôn hạnh phúc được đến năm 2018, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, cuộc sống bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh Đ không làm chủ được bản thân nên đã sử dụng ma túy, nhiều lần chị H và gia đình khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Hai anh chị đã không còn sống chung với nhau, đến nay chị H không còn tình cảm với anh Đ nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Tòng Văn Đ.

Về con chung: Chị Cà Thị H và anh Tòng Văn Đ, có 01 người con chung, cháu tên là Tòng Thị Thanh T; sinh ngày 06/02/2019. Hiện tại con chung do chị H trực tiếp

nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do chị H có thu nhập và nhà ở ổn định đảm bảo đời sống cho con nên không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H về giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Cà Thị H đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Tòng Văn Đ tham gia tố tụng, nhưng anh Đ không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị H cho chị H ly hôn với anh Tòng Văn Đ; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Tòng Thị Thanh T; sinh ngày 06/02/2019 cho chị Cà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh Tòng Văn Đ chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị H, do chị H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Cà Thị H với anh Tòng Văn Đ thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Đ có nơi ĐKHKTT tại bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; việc đưa ra xét xử vắng mặt anh Đ vẫn đảm bảo quyền lợi cho anh Đ phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Tại phiên tòa chị H có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS chấp nhận đơn xin vắng mặt của chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Cà Thị H và anh Tòng Văn Đ đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/8/2016. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm

2014. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc những năm đầu, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ, anh Đ sử dụng ma túy đã nhiều lần được khuyên can nhưng không thay đổi. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để thông báo cho anh Đ được biết, Tòa án sẽ tiến hành hòa giải giữa hai anh chị; tuy nhiên đến phiên hòa giải anh Đ không có mặt và chị H cũng có đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải nữa vì tình cảm với anh Đ không còn. Để đảm bảo xác định tình trạng hôn nhân của hai anh chị được khách quan, toàn diện; Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị đã có mâu thuẫn, anh Đ sử dụng ma túy dẫn đến chị H không thể tiếp tục chung sống nên đã bỏ về nhà bố mẹ chị H ở cho đến nay. Do đó HĐXX thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Cà Thị H và anh Tòng Văn Đ đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014, để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị H, cho chị Cà Thị H ly hôn với anh Tòng Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Cà Thị H thì thấy: Hiện tại anh Đ đang đi làm ăn xa, hiện tại cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi. Việc giao nuôi con chung cho chị H là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo cho con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị Cà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của đương sự, nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Cà Thị H đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị H được ly hôn với anh Tòng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Cà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Thanh T; sinh ngày 06/02/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Tòng Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Tòng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Chị Cà Thị H, anh Tòng Văn Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Cà Thị H được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị H, anh Tòng Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga